

DANH SÁCH MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019-2020
SINH VIÊN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CLC theo TT23

(Kèm theo Quyết định số 809/QĐ-ĐHNN ngày 09 tháng 6 năm 2019)

TT	MSV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Khoa	ĐT	Mức miễn giảm (theo học phí hệ chuẩn)	Ghi chú
1	19041686	Trần Lê Khánh Chi	21/09/2001	19K5.TT23	Hàn Quốc	CNTB	100%	
2	19041820	Trần Thị Hải Yến	6/4/2000	19K6.TT23	Hàn Quốc	CNTB	100%	
3	19041783	Vũ Thị Ngọc Quyên	9/7/2001	19K4.TT23	Hàn Quốc	CTB	100%	
4	19041720	Hoàng Thị Hoan	7/11/2001	19K4.TT23	Hàn Quốc	DT-ĐBKK	70%	
5	19040031	Ma Quang Vũ Anh	25/01/2001	19K6.TT23	Hàn Quốc	DT-ĐBKK	70%	
6	19041701	Nguyễn Thị Thu Hà	5/7/2001	19K6.TT23	Hàn Quốc	DT-Cận nghèo	100%	
7	19041845	Hà Thị Lam	20/10/2000	19K7.TT23	Hàn Quốc	DT-Hộ nghèo	100%	
8	18041340	Nguyễn Hải Yến	28/10/2000	18J1.TT23	Nhật Bản	CCĐHH	100%	
9	18041315	Dương Cao Thái Sơn	2/7/2000	18J3.TT23	Nhật Bản	CTB	100%	
10	19041612	Phạm Anh Quân	24/08/2001	19J3.TT23	Nhật Bản	CTB	100%	
11	19041639	Nông Phương Thúy	25/04/2001	19J6.TT23	Nhật Bản	DT-ĐBKK	70%	
12	19041849	Hà Thị Phương Trang	16/08/2000	19J4.TT23	Nhật Bản	DT-cận nghèo	100%	
13	19041168	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	27/02/2001	19F2.TT23	Pháp	CBNN	50%	
14	19041087	Nguyễn Thị Ngọc Anh	23.09.2001	19F1.TT23	Pháp	CNTB	100%	
15	19041005	Trần Thị Sim	4/8/2001	19E23.TT23	SPTA	CBB	100%	
16	19040736	Đỗ Phương Anh	1/11/2001	19E18.TT23	SPTA	CTB	100%	
17	19041021	Trần Thị Phương Thảo	14/05/2001	19E23.TT23	SPTA	CTB	100%	
18	19041011	Bùi Thị Thảo	30/08/2001	19E13.TT23	SPTA	DT-ĐBKK	70%	
19	19040775	Nguyễn Nguyệt Ánh	29/07/2001	19E15.TT23	SPTA	DT-ĐBKK	70%	
20	19040824	Nguyễn Thu Hà	17/09/2001	19E22.TT23	SPTA	DT-ĐBKK	70%	
21	19041211	Lê Thị Ngọc Anh	16/01/2001	19C5.TT23	Trung Quốc	CBB	100%	
22	19041360	Nguyễn Thị Hà Trang	18/10/2001	19C4.TT23	Trung Quốc	CTB	100%	
23	19041387	Phạm Thị Yến	9/11/2001	19C6.TT23	Trung Quốc	CTB	100%	
24	18041218	Cao Thị Thom	28.07.2000	18C3.TT23	Trung Quốc	CTNLĐ	50%	
25	18041230	Ngân Thị Hà	30/04/2000	18C4.TT23	Trung Quốc	DT-ĐBKK	70%	

26	19041230	Hoàng Khánh	Duy	15/10/2001	18C1.TT23	Trung Quốc	DT-ĐBKK	70%	
27	19041852	Mai Phi	Long	11/7/2001	19C1.TT23	Trung Quốc	DT-ĐBKK	70%	
28	19041271	Hứa Thu	Huyền	09.07.2001	19C4.TT23	Trung Quốc	DT-Cận nghèo	100%	
29	19041859	Phan Bích	Phượng	09.03.2000	19C7.TT23	Trung Quốc	DT-ĐBKK	70%	

Danh sách này có 29 sinh viên

HIỆU TRƯỞNG

(đã kí)

Đỗ Tuấn Minh

**DANH SÁCH MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019-2020
SINH VIÊN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN**

(Kèm theo Quyết định số 807 /QĐ-ĐHNN ngày 09 tháng 6 năm 2019)

TT	MSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Khoa (Bộ môn)	ĐT	Mức miễn giảm	Ghi chú
1	16041902	Trần Minh	Anh	29.09.98	16A1	Bộ môn Ả Rập	CTB	100%	
2	16041901	Nguyễn Hà Phương	Anh	14.09.98	16A1	Bộ môn Ả Rập	CTNLĐ	50%	
3	16041924	Nông Triệu Hoài	Thương	01.06.98	16A1	Bộ môn Ả Rập	DT-ĐBK	70%	
4	16041411	Lâm Việt	An	04.05.97	16G3	Đức	CTB	100%	
5	17041066	Nguyễn Thương	Hiền	27.04.99	17G1	Đức	CBNN	50%	
6	16041471	Đinh Thị Hồng	Minh	03.01.1998	17G1	Đức	CBB	100%	
7	17041111	Hà Thị Thu	Huyền	23.07.99	17G2	Đức	CTNLĐ	50%	
8	18040906	Bùi Thị	Thương	09/03/00	18G2	Đức	CCĐHH	100%	
9	18040935	Nguyễn Thị	Thanh	09.07.2000	18G2	Đức	DT-Cận nghèo	100%	
10	17041276	Lê Hồng	Hạnh	28.12.99	17K2	Hàn	DT-ĐBK	70%	
11	15044524	Ngô Thị Minh	Huệ	29/11/1997	16K2	Hàn Quốc	CTB	100%	
12	16041790	Phạm Thị Hồng	Hạnh	29.10.98	16K2	Hàn Quốc	CTNLĐ	50%	
13	16041761	Nguyễn Thị Minh	Ánh	16.06.98	16K3	Hàn Quốc	CTNLĐ	50%	
14	16041750	Vũ Thị Vân	Anh	02.06.98	16K4	Hàn Quốc	CNTB	100%	
15	16042039	Trần Thị	Thương	20.03.97	16K4	Hàn Quốc	DT-Cận nghèo	100%	
16	16042044	Hoàng Thu	Thủy	29.12.97	16K4	Hàn Quốc	DT-Hộ nghèo	100%	
17	17041358	Hoàng Thị Nhật	Quyên	22.07.99	17K2	Hàn Quốc	CTB	100%	
18	17041275	Hùng Quỳnh	Giang	18.05.99	17K2	Hàn Quốc	DT rất ít người -ĐBK	100%	
19	17041279	Nguyễn Thúy	Ngân	10.12.99	17K2	Hàn Quốc	DT-ĐBK	70%	
20	17041304	Nguyễn Văn	Thành	09.10.99	17K2	Hàn Quốc	DT-Hộ nghèo	100%	
21	17041264	Nguyễn Thị Thùy	Dung	23.07.99	17K3	Hàn Quốc	DT-Cận nghèo	100%	
22	17041265	Vì Thị	Kiều	03.06.99	17K3	Hàn Quốc	DT-Cận nghèo	100%	
23	17041280	Hà Thu	Hoài	23.05.99	17K3	Hàn Quốc	DT-ĐBK	70%	
24	17041313	Lâm Thị	Mi	07.01.99	17K3	Hàn Quốc	DT-ĐBK	70%	
25	17041338	Đặng Tuấn	Đạt	26.03.99	17K4	Hàn Quốc	CBB	100%	
26	17041271	Trần Thị Lan	Hương	12.04.99	17K4	Hàn Quốc	CTB	100%	
27	17041289	Trần Thị Phương	Thúy	28.11.99	17K4	Hàn Quốc	CTNLĐ	50%	

28	17041278	Hoàng Thị	Thắm	20.05.99	17K4	Hàn Quốc	DT-Hộ nghèo	100%	
29	18041094	Kim Thị Hồng	Chi	02.03.2000	18K4	Hàn Quốc	DT-Cận nghèo	100%	
30	18042035	Hoàng Thị	Hậu	23/12/1999	18K4	Hàn Quốc	DT-ĐBKK	70%	
31	18042033	Ma Thị Thu	Hương	23/08/1999	18K5	Hàn Quốc	DT-ĐBKK	70%	
32	18042029	Trương Thị	Huyền	16/01/1999	18K5	Hàn Quốc	DT-ĐBKK	70%	
33	18041078	Vũ Thùy	Mai	05/12/00	18K6	Hàn Quốc	DT-ĐBKK	70%	
34	18041047	Nguyễn Thị Hương	Địu	31/07/2000	18K6	Hàn Quốc	DT-Hộ nghèo	100%	
35	16041302	Lương Thị Lan	Hương	02.09.98	16R2	Nga	CCĐHH	100%	
36	18041553	Lê Bảo	Chi	21/12/2000	18R3	Nga	CTB	100%	
37	16041505	Đào Ngọc	Hiếu	30.04.98	16J3	Nhật Bản	CBNN	50%	
38	16042040	Phạm Thị	Diễn	01.04.97	17J4	Nhật Bản	DT-ĐBKK	70%	
39	17041153	Nông Thị Thu	Phương	01.10.99	17J4	Nhật Bản	DT-Hộ nghèo	100%	
40	16042058	Hoàng Hồng	Ngọc	04.10.96	17J5	Nhật Bản	DT-ĐBKK	70%	
41	17041244	Vì Thị	Thảo	25.03.99	17J6	Nhật Bản	DT-Cận nghèo	100%	
42	18040965	Đàm Thị Hải	Yến	12/11/00	18J6	Nhật Bản	DT-Hộ nghèo	100%	
43	16040959	Đỗ Thị Phương	Thảo	19.08.98	16F5	Pháp	CTB	100%	
44	16042616	Quách Thị Quỳnh	Anh	13.12.98	17F3	Pháp	DT-ĐBKK	70%	
45	18040715	Nguyễn Ngọc	Hữu	22/07/2000	18F2	Pháp	CCĐHH	100%	
46	18040741	Vũ Thị Thu	Hương	08/01/00	18F2	Pháp	CTNLĐ	50%	
47	18040747	Lục Thị Mỹ	Hạnh	26.04.2000	18F2	Pháp	DT-ĐBKK	70%	
48	18040771	Bùi Thị	Hoàn	04/05/00	18F4	Pháp	CTB	100%	
49	18040723	Hoàng Thanh	Bình	10/01/00	18F4	Pháp	CTNLĐ	50%	
50	18040590	Quách Thị Hồng	Nhung	16.06.2000	18E19	SP Anh	DT-ĐBKK	70%	
51	16040430	Phạm Công	Trí	12.10.98	16E14	SP Tiếng Anh	CCĐHH	100%	
52	16040442	Lê Kim	Tuyến	26.08.98	16E15	SP Tiếng Anh	CBB	100%	
53	15040199	Nông Đức	Mạnh	15.09.96	16E16	SP Tiếng Anh	DT-ĐBKK	70%	
54	16042264	Đinh Ngọc	Quân	08.05.97	16E17	SP Tiếng Anh	DT-ĐBKK	70%	
55	16042382	Nguyễn Thị	Thương	03.08.98	16E18	SP Tiếng Anh	CBB	100%	
56	16040120	Dương Gia	Hân	28.09.98	16E22	SP Tiếng Anh	CTB	100%	
57	16040243	Lê Diệu	Linh	31.12.98	16E22	SP Tiếng Anh	CTB	100%	
58	16042025	Đàm Thị	Phương	11.06.97	16E23	SP Tiếng Anh	DT-Cận nghèo	100%	
59	16040380	Bùi Phương	Thảo	08.10.98	16E25	SP Tiếng Anh	CBB	100%	
60	16042022	Lương Thị Mai	Hạ	19.05.97	16E25	SP Tiếng Anh	DT-Hộ nghèo	100%	
61	16040312	Lưu Hồng	Nhung	04.05.98	16E26	SP Tiếng Anh	CTB	100%	

62	16042024	Đinh Thị Thúy	Hường	25.10.97	16E27	SP Tiếng Anh	DT-Cận nghèo	100%	
63	16042052	Dương Thị	Ánh	17.12.97	16E27	SP Tiếng Anh	DT-ĐBKK	70%	
64	16042151	Đào Văn	Đức	28.02.98	16E28	SP Tiếng Anh	CBNN	50%	
65	16042019	Bùi Việt	Hoàng	19.08.97	16E28	SP Tiếng Anh	DT-ĐBKK	70%	
66	16040160	Trần Công	Hoàn	14.02.98	16E32	SP Tiếng Anh	CBB	100%	
67	17042011	Vũ Trường	Giang	25.08.98	17 E10	SP Tiếng Anh	DT-ĐBKK	70%	
68	17040447	Triệu Thị	Châm	15.01.99	17 E11	SP Tiếng Anh	DT-ĐBKK	70%	
69	17040453	Hoàng Thu	Trang	02.11.99	17 E17	SP Tiếng Anh	CTB	100%	
70	17040624	Đinh Thị	Trang	03.03.99	17 E18	SP Tiếng Anh	DT-Hộ nghèo	100%	
71	17040455	Nguyễn Thị Huyền	Chinh	15.10.99	17 E18	SP Tiếng Anh	DT- Cận nghèo	100%	
72	17040584	Trần Thị	Loan	18.03.99	17 E19	SP Tiếng Anh	CCĐHH	100%	
73	17040427	Nguyễn Thanh	Lan	03.10.99	17 E19	SP Tiếng Anh	CTB	100%	
74	17040554	Bùi Thị Kim	Ngân	20.02.99	17 E20	SP Tiếng Anh	DT-ĐBKK	70%	
75	17040392	Nguyễn Thị Kim	Anh	30.09.99	17E13	SP Tiếng Anh	CTB	100%	
76	17042001	Bạch Thị	Diệu	29.05.98	17E13	SP Tiếng Anh	DT-ĐBKK	70%	
77	17040661	Vy Thị Kiều	Trinh	22.10.99	17E14	SP Tiếng Anh	DT-Cận nghèo	100%	
78	17040494	Lăng Thị Mai	Huyền	09.07.1999	17E17	SP Tiếng Anh	DT-Hộ nghèo	100%	
79	16042018	Lương Thị	Hiều	26.10.97	17E18	SP Tiếng Anh	DT-ĐBKK	70%	
80	17040357	Dương Ngọc	Anh	24.05.99	17E21	SP Tiếng Anh	CBB	100%	
81	17040609	Nguyễn Thị	Ngoãn	06.09.99	17E9	SP Tiếng Anh	CBB	100%	
82	17040657	Quán Thị	Huyền	01.01.99	17E9	SP Tiếng Anh	DT-Cận nghèo	100%	
83	17040644	Lê Thị	Tâm	28.11.99	17E9	SP Tiếng Anh	Khuyết tật- Cận nghèo	100%	
84	18040497	Hà Thị Tố	Uyên	26/01/2000	18E10	SP Tiếng Anh	DT-Cận nghèo	100%	
85	18042011	Quan Nhật	Linh	30.04.1999	18E10	SP Tiếng Anh	DT-ĐBKK	70%	
86	18040603	Nguyễn Thị	Hương	14/09/2000	18E11	SP Tiếng Anh	DT-ĐBKK	70%	
87	18040414	Phan Văn	Khái	01/08/00	18E12	SP Tiếng Anh	DT-ĐBKK	70%	
88	18040436	Lâm Thị Tú	Linh	19/01/2000	18E12	SP Tiếng Anh	DT-ĐBKK	70%	
89	18040469	Chu Kim	Chiến	10/01/00	18E14	SP Tiếng Anh	DT-ĐBKK	70%	
90	18042009	Triệu Mạnh	Chính	05.07.1999	18E14	SP Tiếng Anh	DT-ĐBKK	70%	
91	18040487	Tăng Vĩnh	Hoành	27/07/2000	18E14	SP Tiếng Anh	DT-ĐBKK	70%	
92	18040372	Lê Thị Thanh	Tâm	18/12/2000	18E15	SP Tiếng Anh	BTXH(mồ côi)	100%	
93	18040363	Nguyễn Thị Ngân	Giang	10/02/00	18E16	SP Tiếng Anh	CTNLĐ	50%	
94	18040450	Nguyễn Thúy	Hiền	01.10.2000	18E16	SP Tiếng Anh	CTNLĐ	50%	
95	18040430	Vi Thị	Chi	17/10/2000	18E16	SP Tiếng Anh	DT-ĐBKK	70%	

96	18042007	Dương Phương Thảo	20/05/1999	19E9	SP Tiếng Anh	DT-ĐBKK	70%	
97	18040331	Nguyễn Minh Huyền	05/03/00	18E17	SP Tiếng Anh	CTB	100%	
98	18040435	Trần Thị Hoài	16/06/2000	18E17	SP Tiếng Anh	DT- Hộ nghèo	100%	
99	18042002	Cùng Mỹ Hằng	23/12/1999	18E18	SP Tiếng Anh	DT rất ít người -ĐBKK	100%	
100	18040442	Đoàn Thu Thảo	27/10/2000	18E19	SP Tiếng Anh	DT-ĐBKK	70%	
101	18040432	Nông Thị Kiều Trinh	06/02/00	18E20	SP Tiếng Anh	DT-ĐBKK	70%	
102	19040490	Bùi Thị Thu Trang	22/04/2001	19E10	SP Tiếng Anh	DT-ĐBKK	70%	
103	19040448	Nguyễn Thanh Bình	13/08/2001	19E8	SP Tiếng Anh	DT-ĐBKK	70%	
104	19040456	Vì Thị Nguyệt Hà	22/10/2001	19E8	SP Tiếng Anh	DT-ĐBKK	70%	
105	19040500	Bùi Hải Yến	17/11/2001	19E8	SP Tiếng Anh	DT-ĐBKK	70%	
106	19040496	Bùi Tú Uyên	31/05/2001	19E8	SP Tiếng Anh	DT-ĐBKK	70%	
107	19040449	Đỗ Linh Chi	08/09/01	19E9	SP Tiếng Anh	CBB	100%	
108	19041833	Trương Thị Thập	27.07.2000	19E7	SP Tiếng Anh	DT-Hộ nghèo	100%	
109	16041163	Nguyễn Minh Thu	02.09.98	16C2	Trung Quốc	CBNN	50%	
110	16041176	Nguyễn Thị Thùy Chang	21.02.98	16C7	Trung Quốc	BTXH(mở cõi)	100%	
111	16042678	Đàm Thị Thu Hà	02.05.97	16C8	Trung Quốc	CBB	100%	
112	16042042	Hoàng Thị Hạnh	10.07.97	16C8	Trung Quốc	DT-ĐBKK	70%	
113	17040938	Mã Thị Trang	08.10.99	17C2	Trung Quốc	DT-ĐBKK	70%	
114	17040933	Lý A Hào	09.11.99	17C2	Trung Quốc	DT-Hộ nghèo	100%	
115	17041011	Nguyễn Mai Linh	13.12.99	17C4	Trung Quốc	CTNLĐ	50%	
116	17042018	Phan Thị Khuyên	05.06.98	17C4	Trung Quốc	DT-Cận nghèo	100%	
117	17040902	Thạch Thị Thúy	26.05.99	17C4	Trung Quốc	DT-Hộ nghèo	100%	
118	16042667	Nguyễn Xuân Đông	08.04.98	17C5	Trung Quốc	BTXH(mở cõi)	100%	
119	17040907	Nguyễn Văn Hiếu	09.03.99	17C5	Trung Quốc	DT-ĐBKK	70%	
120	18042013	Hoàng Thị Như Mai	11.10.1999	18C5	Trung Quốc	DT-ĐBKK	70%	
121	18040852	Đào Thị Khánh Hòa	09.09.2000	18C9	Trung Quốc	CTB	100%	
122	18042015	Nguyễn Thị Hiền Trang	17/09/1999	19C5	Trung Quốc	DT-ĐBKK	70%	

Danh sách này có 122 sinh viên

HIỆU TRƯỞNG

(đã kí)

Đỗ Tuấn Minh